TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 09 - 02 -2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Công Trí

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2022/TLST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2022/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: Tầng 01 (tầng trệt) và tầng 02, Tòa nhà S - 111A P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Các ông Nguyễn Tiến T, Phan Thanh H và Nguyễn Đại A; cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 đường U, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 011590.22 ngày 15/02/2022).(có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Chí T, sinh năm 1987

Và bà Nguyễn Thị Minh V, sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Số 383/3/76 đường Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đại A trình bày:

Ngày 15/11/2017 giữa ông Nguyễn Văn Chí T, bà Nguyễn Thị Minh V và Ngân hàng TMCP Q có ký Hợp đồng tín dụng số 0686.HDTD-VIB608.17 với nội dung ngân hàng cho ông T, bà V vay số tiền 630.000.000 đồng, mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô, thời hạn vay 84 tháng, trả nợ gốc 7.500.000/tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân 7.99%/năm, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 8.10%/năm, đây là mức lãi suất ưu đãi và chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, hết thời hạn ưu đãi trên lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3.99%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150%. Cùng ngày ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho ông T, bà V theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0686. KUNN-VIB608. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T, bà V luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết; từ khi vay đến ngày 03/3/2021 chỉ thanh toán cho ngân hàng số tiền 773.379.244 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 595.095.268 đồng, lãi 178.283.976 đồng. Do đó, ngày 04/3/2021 ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn; tạm tính đến ngày 09/02/2023 ông T, bà V còn nợ ngân hàng số tiền 88.029.339 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc 34.904.732 đồng, lãi 53.124.607 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông T, bà V thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 10/02/2023 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông T, bà V cư trú tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0686.HDTD-VIB608.17 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0686.KUNN-VIB608.17 cùng ngày 15/11/2017, căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để khẳng định:

Hợp đồng tín dụng và Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ trên do bị đơn là ông Nguyễn Văn Chí T, bà Nguyễn Thị Minh V ký với Ngân hàng TMCP Q. Sau khi vay bị đơn chỉ thanh toán cho ngân hàng tổng cộng 773.379.244 đồng, trong đó bao gồm gốc 595.095.268 đồng, lãi 178.283.976 đồng; hiện bị đơn còn nợ gốc là 34.904.732 đồng, mặc dù được ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Về yêu cầu tính lãi: Tại mục 1.5 của Hợp đồng tín dụng đã ký, hàng tháng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng nợ gốc và lãi nhưng do bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận nên ngày 04/3/2021 ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất vay, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/02/2023 là 53.124.607 đồng. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 10/02/2023 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo lãi suất được các bên thoả thuận tại hợp đồng đã ký. Căn cứ vào điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và thoả thuận của hai bên nên có cơ sở để chấp nhận.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vụ án.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và nợ lãi là 88.029.339 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 4.401.467 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn Chí T và bà Nguyễn Thị Minh V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0686.HDTD-VIB608.17 ngày 15/11/2017 là 88.029.339 đồng (tám mươi tám triệu không trăm hai mươi chín nghìn ba trăm ba mươi chín đồng); trong đó bao gồm nợ gốc 34.904.732 đồng (ba mươi bốn triệu chín trăm lẻ bốn nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng), nợ lãi 53.124.607 đồng (năm mươi ba triệu một trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Chí T và bà Nguyễn Thị Minh V phải chịu án phí là 4.401.467 đồng (bốn triệu bốn trăm lẻ một nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 1.835.098 đồng (một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn không trăm chín mươi tám đồng) cho Ngân hàng TMCP Q theo biên lai thu số AA/2021/0049240 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều

chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Thúy Duyên